



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2022

BẢN TIN SỐ 1352

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 06/05/2022 đến ngày 12/05/2022)

AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn *Oryza.com*)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	06-05	09-05	10-05	11-05	12-05
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	457 - 461	458 - 462	458 - 462	455 - 459	454 - 458
	5% tấm	447 - 451	448 - 452	448 - 452	445 - 449	444 - 448
	25% tấm	434 - 438	435 - 439	435 - 439	433 - 437	432 - 436
	Hom Mali 92%	903 - 907	913 - 917	930 - 934	950 - 954	948 - 952
	Gạo đỏ 100% Stxd	465 - 469	463 - 467	463 - 467	460 - 464	457 - 461
	A1 Super	407 - 411	409 - 413	409 - 413	408 - 412	407 - 411
VIỆT NAM	5% tấm	418 - 422	418 - 422	418 - 422	418 - 422	418 - 422
	25% tấm	398 - 402	398 - 402	398 - 402	398 - 402	398 - 402
	Jasmine	523 - 527	523 - 527	528 - 532	528 - 532	528 - 532
	100% tấm	365 - 369	365 - 369	365 - 369	365 - 369	365 - 369
ẤN ĐỘ	5% tấm	343 - 347	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342
	25% tấm	323 - 327	323 - 327	323 - 327	323 - 327	323 - 327
	Gạo đỏ 5% Stxd	358 - 362	348 - 352	353 - 357	353 - 357	343 - 347
	100% tấm Stxd	323 - 327	323 - 327	323 - 327	323 - 327	323 - 327
PAKISTAN	5% tấm	343 - 347	343 - 347	343 - 347	343 - 347	343 - 347
	25% tấm	328 - 332	328 - 332	328 - 332	328 - 332	328 - 332
	100% tấm Stxd	343 - 347	343 - 347	343 - 347	343 - 347	343 - 347
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	413 - 417	413 - 417	413 - 417	413 - 417	413 - 417
MỸ	4% tấm	658 - 662	658 - 662	658 - 662	658 - 662	658 - 662
	15% tấm (Sacked)	628 - 632	628 - 632	628 - 632	628 - 632	628 - 632
	Gạo đỏ 4% tấm	681 - 685	681 - 685	681 - 685	681 - 685	681 - 685
	Calrose 4%	1.269 – 1.273	1.269 – 1.273	1.269 – 1.273	1.269 – 1.273	1.269 – 1.273

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

Italia:

****Hiệp hội Nông dân cảnh báo tác động của cuộc chiến Nga - Ukraine đến ngành gạo:***

Ngày 09/5/2022

(Nguồn: Oryza.com)

Theo các nguồn tin địa phương, Hiệp hội nông dân Ý Unio Coldiretti lưu ý rằng cuộc chiến Nga-Ukraine đang diễn ra có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến ngành lúa gạo của nước này.

Hiệp hội bày tỏ lo ngại rằng diện tích trồng lúa của nước này sẽ giảm xuống còn 217.000 ha trong năm nay từ 227.000 ha của năm ngoái do chi phí năng lượng, chi phí phân bón cũng như dự kiến sẽ có những thay đổi trong mô hình tiêu thụ trong bối cảnh chiến tranh.

"Để cố gắng chống lại sự gia tăng chi phí sản xuất, chúng tôi cần phải làm việc ngay lập tức về các thỏa thuận chuỗi cung ứng, đây là một công cụ thiết yếu để nâng cao sản xuất của Ý và phân phối giá trị một cách công bằng theo chuỗi sản xuất", chủ tịch Coldiretti được trích dẫn.

Trong khi đó, những lo ngại vẫn tồn tại về sự cạnh tranh không lành mạnh do nhập khẩu giá rẻ từ các nước châu Á (theo hiệp định EBA - Mọi thứ trừ vũ khí) đối với gạo Ý. Việc điều khoản tự vệ được áp dụng đối với gạo indica nhập khẩu từ Campuchia và Myanmar hết hiệu lực dự kiến sẽ tác động đến giá gạo của Italy.

Coldiretti lưu ý rằng EU đang xem xét việc sửa đổi quy định GSP điều chỉnh quan hệ thương mại với các nước đang phát triển. Sự bỏ phiếu của ủy ban thương mại quốc tế của EU cho phép tự động kích hoạt điều khoản tự vệ. Khi nhập khẩu gạo từ các nước LDCs vượt quá ngưỡng 10% giá trị nhập khẩu vào Liên minh cùng các sản phẩm từ tất cả các nước EBA, lợi ích sẽ bị đình chỉ.

Hiệp hội nói thêm rằng việc sửa đổi quy định GSP là quan trọng đối với chuỗi cung ứng gạo, cũng như việc bảo vệ môi trường cũng như đa dạng sinh học, đang bị đe dọa.

Nhật Bản:

****Thông báo tổ chức đấu thầu SBS-CPTPP:***

Ngày 10/5/2022

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang Web của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF), nước này sẽ tổ chức đấu thầu theo hình thức mua và bán đồng thời (SBS - CPTPP) lần thứ nhất trong năm tài chính 2022/23 (tháng 4/tháng 3)

nhằm mua 1.080 tấn gạo vào ngày 24/05/2025. Buổi đấu thầu sẽ diễn ra từ 11am - 12:00pm (theo giờ Nhật Bản).

Chi tiết thông tin đấu thầu như sau:

https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_announce/attach/pdf/in dex-56.pdf

Puerto Rico:

****Thu hoạch lúa trái vụ tại Trạm thí nghiệm:***

Ngày 10/5/2022

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo Guard Online, vụ thu hoạch lúa trái vụ tại Trạm thí nghiệm Lajas của Đại học Puerto Rico-Mayaguez trên lãnh thổ Puerto Rico của Hoa Kỳ đã đạt mức kỷ lục.

Trạm Thí nghiệm Nông nghiệp Arkansas đảm nhận Chương trình Nhân giống Lúa tại địa điểm nghiên cứu lúa tại Đại học Puerto Rico như một phần của nghiên cứu nhằm phát triển các dòng lúa mới.

Cơ sở nghiên cứu lúa Puerto Rico có một thỏa thuận hợp tác lâu dài giữa các chương trình nhân giống công cộng ở Arkansas và các bang Trung Nam khác. Là một phần của thỏa thuận này, các nhà nghiên cứu trồng các giống thử nghiệm tại Trung tâm Nghiên cứu và Khuyến nông Lúa gạo thuộc Bộ phận Hệ thống của Đại học Arkansas ở Stuttgart. Họ chọn những hạt giống khỏe mạnh và trồng tại khu nghiên cứu Puerto Rico vào mùa đông. Hạt giống từ vụ thu hoạch trái vụ ở Puerto Rico được đưa trở lại Arkansas vào mùa xuân để tiếp tục các thí nghiệm nhân giống.

Sự sắp xếp này cho phép giảm số năm cần thiết để tạo ra các dòng lúa mới. Một nhà lai tạo lúa gạo cấp cao tại trạm thí nghiệm lưu ý rằng toàn bộ quá trình nhân giống mất từ 8 đến 10 năm nếu cây chỉ được trồng ở Arkansas. Việc sắp xếp với vườn ươm Puerto Rico giúp giảm thời gian phát triển từ hai đến ba năm.

Nhà lai tạo cấp cao lưu ý rằng họ đã trồng và thu hoạch kỷ lục 5 mẫu Anh hạt giống trong năm nay, và khoảng 6.000 pound hạt giống được gửi trở lại Arkansas để gieo trồng.

Ai Cập:

****Phát triển giống lúa mới:***

Ngày 10/5/2022

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo Al-Monitor, Giám đốc Dự án Phát triển Lúa gạo Quốc gia của Ai Cập thuộc Bộ Nông nghiệp đã phát triển một giống lúa mới không cần nhiều nước trong bối cảnh nước này đang phải đối mặt với tình trạng thiếu nước.

Nhà khoa học đã phát triển giống lúa "Sakha Super 300" cho năng suất cao và cần ít nước hơn nhiều. Ông lưu ý rằng giống mới có thể sản xuất 5 tấn trên một mẫu Anh, trong khi các giống thông thường của ole cho sản lượng 4 tấn trên một mẫu Anh. Ông nói thêm rằng vì giống mới có khả năng chịu mặn nên nó có thể được trồng ở các tỉnh Kafr el-Sheikh, Beheira, Gharbia, Dakahlia, Damietta và Sharqia, những nơi bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi độ mặn và khan hiếm nước.

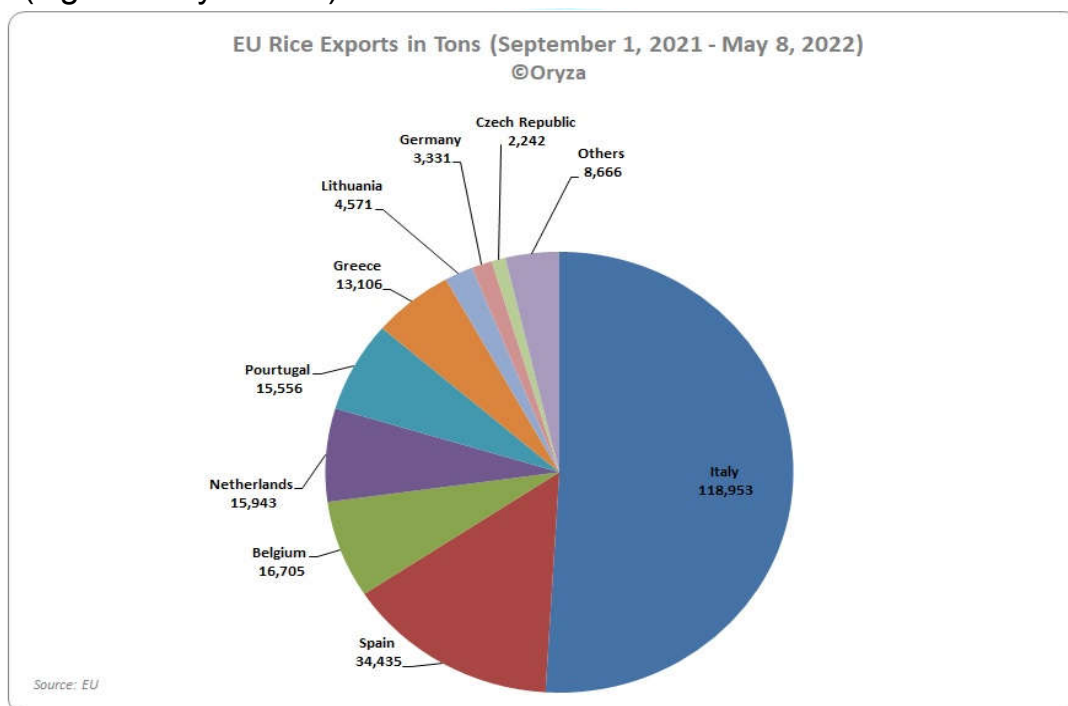
Ông lưu ý rằng giống mới có thể chịu được các điều kiện khí hậu khó khăn và cần tưới nước một lần sau tám đến mười ngày. Các giống thông thường cần tưới nước ba ngày một lần. Do đó, nông dân có thể tiết kiệm nước hơn 30% với giống mới.

Liên minh châu Âu:

***Tình hình xuất nhập khẩu gạo:**

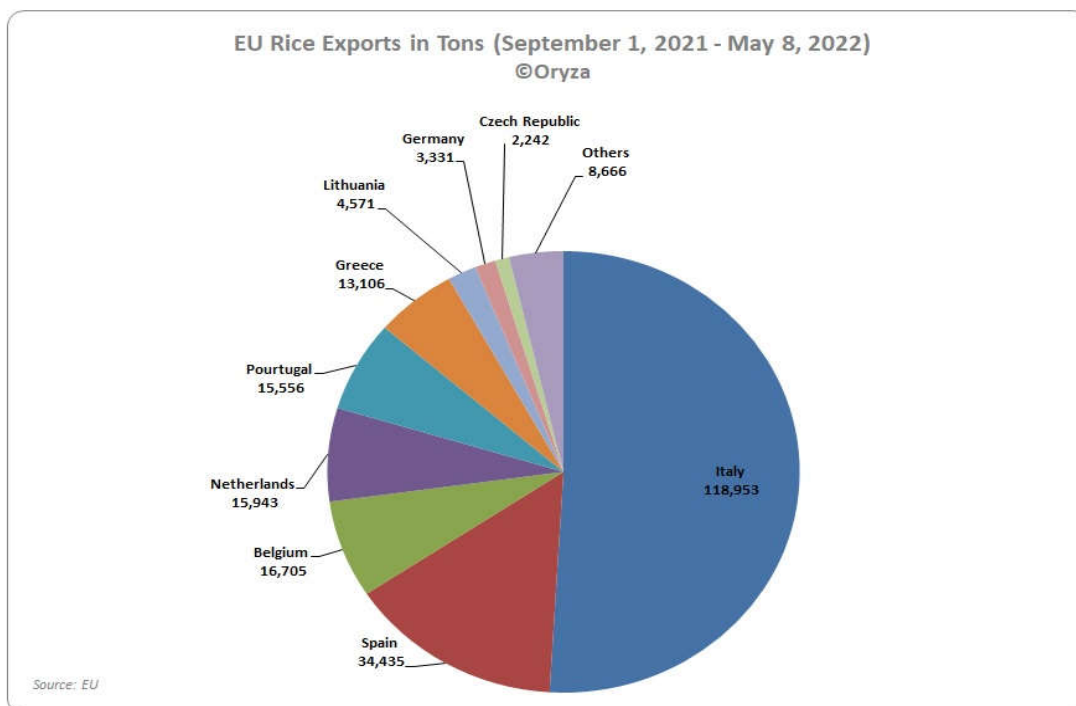
Ngày 11/5/2022

(Nguồn: Oryza.com)



Theo số liệu xuất nhập khẩu mới nhất của Liên minh Châu Âu (EU), tính từ ngày 01/09/2021 đến ngày 08/05/2022 của niên vụ 2021/22 (01/09/2021 - 31/08/2022), EU đã nhập khẩu tổng cộng 907.753 tấn gạo xay xát (trong đó, nhập khẩu gạo Japonica tổng cộng là 222.542 tấn và nhập khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 685.211 tấn), tăng khoảng 12% từ mức 812.206 tấn của cùng kỳ niên vụ 2020/2021.

Về xuất khẩu, EU đã xuất khẩu tổng cộng 233.508 tấn gạo xay xát, tăng khoảng 10% so với 212.700 tấn của cùng kỳ của niên vụ trước. Trong đó, xuất khẩu gạo Japonica đạt 157.132 tấn và xuất khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 76.377 tấn.



https://circabc.europa.eu/sd/a/87580c36-b1f2-4994-a8fe-f8ded3b3561b/RICE%20TAXUD_Surv.pdf

Indonesia:

****Tình hình dự trữ gạo:***

Ngày 12/5/2022

(Nguồn: Oryza.com)

Theo tờ Antara, Cơ quan hậu cần nhà nước Bulog của Indonesia hiện đang dự trữ một triệu tấn gạo. Mức dự trữ này được cho là nằm trong ngưỡng an toàn do Chính phủ đặt ra là 1 đến 1,5 triệu tấn.

Đại diện của Bulog lưu ý rằng dự trữ dự kiến sẽ tăng hơn nữa do cơ quan này vẫn đang thu mua thóc lúa từ nông dân trong mùa thu hoạch đang diễn ra. Theo người đại diện này, tính đến hiện tại Bulog đã thu mua được khoảng 256.000 tấn trong vụ thu hoạch.

Trong khi đó, cơ quan này đang cố gắng đảm bảo sự ổn định mặt hàng gạo và các mặt hàng lương thực khác sau lễ Eid al-Fitr.

Nepal:

****Dự báo từ FAO:***

Ngày 12/5/2022

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) ước tính sản lượng lúa trong năm 2021 của Nepal đạt 5,131 triệu tấn, giảm 8,7% so với ước tính 5,622 triệu tấn cho năm thị trường 2020.

Sự sụt giảm được cho là do sản lượng giảm sau các trận mưa trái mùa và lũ lụt vào tháng 10/2021 và các cây trồng chuẩn bị thu hoạch gần như bị ảnh hưởng.

Việc gieo trồng lúa cho vụ 2022 sẽ bắt đầu vào cuối tháng 5/2022. Nông dân lo ngại giá phân bón cao và nguồn cung hạn chế có thể ảnh hưởng đến sản lượng năm nay.

FAO dự báo nhập khẩu gạo trong năm 2022 của Nepal sẽ ở mức 1,35 triệu tấn, tăng 13%.

<https://www.fao.org/giews/countrybrief/country/NPL/pdf/NPL.pdf>

II. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan:

Nhu cầu thu mua nguyên liệu giao các đơn hàng Iraq tiếp tục chi phối thị trường gạo trắng và gạo đỏ trong tuần qua. Đồng baht Thái tiếp tục xuống mức thấp nhất so với đồng dollar kể từ thời điểm tháng 5/2017 trước thông tin Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ sẽ nâng lãi suất với bước đi cao nhất trong vào 22 năm qua. Tuy nhiên, các diễn biến bất ổn của thị trường tiền tệ gần như không ảnh hưởng nhiều đến phân khúc gạo trắng và gạo đỏ khi giá chào tuần qua tiếp tục tăng và hiện đang ở mức khá cao, làm hạn chế các giao dịch mới và thậm chí một số thương nhân tuần qua đã ngưng chào giá. Trong khi đó, dù cung cấp hạn chế và nhu cầu tiêu thụ của ngành thức ăn chăn nuôi trong nước vẫn sôi động nhưng giá chào gạo tám vẫn kết thúc tuần ngày 06/5 khá ổn định. Riêng phân khúc gạo thơm Hom Mali tiếp tục đà tăng giá của tuần trước đó do tồn kho hiện không còn nhiều.

Ấn Độ:

Thị trường gạo non-basmati tuần qua ảm đạm do giá cước cao cũng như một số thương nhân trong và ngoài nước nghỉ lễ Eid al-Fitr. Thiếu vắng nhu cầu mới và áp lực thu hoạch vụ rabi sắp tới (dù nhiều nguồn tin trong nước cho biết sản lượng dự kiến sẽ thấp hơn nhiều so với mục tiêu ban đầu) đẩy giá chào gạo trắng các loại và gạo đỏ xuống mức thấp nhất so với nhiều tháng qua. Riêng phân khúc gạo tám trắng vẫn ổn định nhờ nhu cầu của ngành thức ăn chăn nuôi tiếp tục hỗ trợ. Trong khi đó, thị trường gạo basmati không ghi nhận nhiều hoạt động mới do giá cước cao, thiếu container rỗng cũng như tình trạng ùn tắc tại các cảng dỡ Trung Quốc.

Pakistan:

Tất cả các phân khúc gạo basmati và non-basmati tuần qua đặc biệt yên ắng do thị trường nghỉ lễ Eid al-Fitr. Giá chào không đổi so với thời điểm trước kỳ nghỉ. Nhu cầu duy nhất được ghi nhận hiện nay là Trung Quốc với mặt hàng gạo tấm trắng, vốn đã tăng cao sau khi xung đột Nga – Ukraine xảy ra.

Miền Điện:

Kết thúc tuần ngày 06/5 yên ắng và chậm chạp do một số thương nhân nghỉ lễ Eid al-Firt cũng như tình trạng thiếu hụt nguồn điện sản xuất tiếp diễn làm nguồn cung gạo hàng hóa giảm mạnh, đặc biệt đối với phụ phẩm gạo tấm trắng. Giá chào theo đó kết thúc tuần tăng nhẹ. Cước container cao và giá thuê tàu rời bắt đầu tăng cũng là những nguyên nhân chính đang gây áp lực lên nguồn cung này.

Campuchia:

Xuất khẩu 50.599 tấn gạo xay xát các loại trong tháng 4/2022, giảm 25,02% so với tháng 3/2022 và tăng 30,39% so với cùng kỳ 2021. Lũy kế xuất khẩu bốn tháng đầu năm 2022 đạt 221.138 tấn gạo xay xát, tăng 14,88% so với cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc tiếp tục là nước nhập khẩu lớn nhất của Campuchia với 115.255 tấn gạo trong bốn tháng đầu năm 2022, chiếm 52% tổng khối lượng gạo xuất khẩu cả nước. Theo sau là Châu Âu với 68.555 tấn, chiếm 31%. Về chủng loại gạo xuất khẩu, gạo thơm chiếm 67%, gạo trắng là 30%, gạo hữu cơ 2% và gạo đỏ là 1%.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	Ngày 06/05	Ngày 09/05	Ngày 10/05	Ngày 11/05	Ngày 12/05
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,67	6,73	6,73	6,72	6,79
Euro (USD/Euro)	1,06	1,06	1,05	1,05	1,04
Rupiah Indonesia (IDR)	14.477,94	14.516,40	14.534,17	14.512,10	14.633,99
Rupee Ấn Độ (INR)	76,94	77,43	77,33	77,27	77,41
Yen Nhật Bản (JPY)	130,36	130,38	130,24	130,22	128,11
Philippines Peso (PHP)	52,42	52,64	52,40	52,06	52,40
Pakistan Rupees (PKR)	186,29	188,00	189,40	190,65	191,74
Baht Thái Lan (THB)	34,31	34,56	34,63	34,60	34,70
Vietnamese Dong (VND)	22.958,05	22.999,65	23.075,69	23.065,65	23.114,25

(Nguồn: www.xe.com)

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 12/05/2022, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Đông Xuân 2021 – 2022 đã xuống giống được 1,505 triệu ha/1,520 triệu ha diện tích kế hoạch, các tỉnh cơ bản đã thu hoạch xong khoảng 1,505 triệu ha với năng suất 7,09 tấn/ha, đạt 10,670 triệu tấn lúa; Vụ Hè Thu 2022 đã xuống giống được 905 ngàn ha/1,520 triệu ha diện tích kế hoạch.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 06.05 đến 12.05.2022:

(Nguồn Cục BVTV, Theo www.ppd.gov.vn)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

- Bệnh đạo ôn:

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 7.497 ha (tăng 1.793 ha so với kỳ trước, tăng 2142 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 4 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 8.628 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An, Cần Thơ, Hải Phòng, Thái Bình Yên Bái, Gia Lai, Bình Thuận, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Thanh Hóa, Hà Tĩnh,...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 3.654 ha (tăng 1.313 ha so với kỳ trước, tăng 2.210 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 283 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 107 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Hậu Giang, Tây Ninh, Cần Thơ, Lâm Đồng, Đắk Lak, Quảng Nam,...

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 961ha (tăng 301 ha so với kỳ trước, giảm 271 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 09 ha; đã phòng trừ trong kỳ 263 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Ninh, Thái Bình, Lai Châu, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Bà Rịa-Vũng Tàu, Quảng Nam, Đắk Lak,...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 1.850 ha (tăng 617 ha so với kỳ trước, tăng 1.053 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 08 ha; đã phòng trừ trong kỳ 1.411ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: An Giang, Hậu Giang, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Sóc Trăng, Tây Ninh, Bình Thuận, Đắk Lak, Gia Lai, Ninh Thuận, Vĩnh Phúc, Tây Ninh, Yên Bái,

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.185 ha (tăng 746 ha so với kỳ trước, giảm 789 ha so với CKNT); đã phòng trừ trong kỳ 124 ha. Phân bố

chủ yếu tại các tỉnh: An Giang, Hậu Giang, Long An, Bà Rịa -Vũng Tàu, Sóc Trăng, Tây Ninh, Bình Thuận, Đắk Lak, Gia Lai, Ninh Thuận, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Yên Bái,...

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 1.937 ha (giảm 4.760 ha so với kỳ trước, giảm 1.210 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 337 ha; đã phòng trừ trong kỳ 1.129 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Lai châu, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Quảng Nam, Ninh Thuận,...

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 7.356 ha (tăng 413 ha so với kỳ trước, tăng 2.909 ha so với CKNT), nhiễm nặng 549 ha, mất trắng 05 ha tại tỉnh Nghệ An; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 2.250 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Điện Biên, Hải Phòng, Phú Thọ, Sóc Trăng, Đồng Tháp,...

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 65.704 ha (tăng 8.757 ha so với kỳ trước, giảm 19.581 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 3.201 ha; diện tích phòng trừ trong kỳ 49.684 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Bắc Trung Bộ, Nam Định, Phú Thọ, Điện Biên, Lâm Đồng, Gia Lai, Quảng Nam, Hậu Giang,...

- **Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá:** Diện tích nhiễm bệnh toàn vùng 597 ha (giảm 129 ha so với tuần trước); tỷ lệ bệnh phổ biến 2,5-8% dảnh, nơi cao > 10% dảnh với diện tích 349 ha. Bệnh xuất hiện gây hại tại tỉnh Kiên Giang (569 ha, tập trung chủ yếu ở huyện Giồng Riềng) và Hậu Giang (28 ha, tập trung chủ yếu tại thị xã Long Mỹ).

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 6.227 ha (tăng 1.034 ha so với kỳ trước, tăng 2.520 ha so với CKNT); nhiễm nặng 35 ha, đã phòng trừ trong kỳ 2.348 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Long An, Đồng Tháp, Cà Mau, Hậu Giang, An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận,...

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 6.814 ha (giảm 643 ha so với kỳ trước, giảm 108 ha so với CKNT), diện tích hại nặng 241 ha; diện tích trừ chuột trong kỳ 1.208 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: Bắc Trung Bộ, Thái Bình, Điện Biên, Hà Nội, An Giang, Long An, Hậu Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Tiền Giang,....

- **Hiện tượng lúa cỏ:** Phát sinh và gây hại cục bộ chủ yếu tại tỉnh Hà Nam và Ninh Bình; tỷ lệ hại nơi cao 10-20%, cục bộ 40-50%. Diện tích nhiễm 810 ha (cao hơn 60 ha so với kỳ trước), đã tổ chức phòng trừ trên diện tích 666 ha.

2.2. Dự báo sâu bệnh:

*** Trên cây lúa**

a) Các tỉnh Bắc Bộ:

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Bệnh tiếp tục phát sinh gây hại trên những diện tích đã bị đạo ôn lá và các giống nhiễm nếu khi trở gặp điều kiện thời tiết có mưa, ẩm, chênh lệch nhiệt độ ngày đêm cao;

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Sâu non tiếp tục gây hại tập trung trên những diện tích lúa xanh tốt và chưa được phun trừ hoặc phun kém hiệu quả đặc biệt ở các tỉnh đồng bằng ven biển (Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh,...);

- *Rầy nâu - rầy lưng trắng*: Rầy lúa 3 nở, gây hại tăng trên các giống lúa nhiễm, trà sớm – chính vụ; hại nặng diện hẹp chủ yếu trên ruộng chân vàn trũng, sẽ có cháy ổ cục bộ trên trà lúa chắc xanh – đổ đúi nếu không phát hiện và phòng trừ kịp thời;

- *Sâu đục thân 2 chấm*: Sâu non gây bông bạc diện hẹp trên trà lúa trở sau 15/5;

Ngoài ra, *bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn*,... gây hại tăng trên các giống lúa nhiễm sau các trận mưa đông; *bệnh đen lép hạt, chuột*,... tiếp tục hại.

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ

- *Chuột*: Tiếp tục phát sinh gây hại trên các trà lúa, hại nặng cục bộ trên lúa Đông Xuân muộn, giai đoạn trổ - chín;

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Tiếp tục gây hại trên lúa Đông Xuân muộn, giai đoạn trổ - ngậm sữa. Đặc biệt trên những vùng đã nhiễm bệnh đạo ôn lá, vùng ổ dịch nhiễm bệnh hằng năm, vùng gieo trồng giống nhiễm, bón thừa đạm;

- *Bệnh khô vằn*: Tiếp tục phát sinh gây hại tăng nhanh trên lúa Đông Xuân chính vụ - muộn, hại nặng cục bộ trên những diện tích gieo cấy dày, bón thừa đạm;

- *Bệnh bạc lá vi khuẩn*: Bệnh tiếp tục phát sinh, gây hại tăng trên lúa chính vụ - muộn, giai đoạn trổ - chín sữa, gây hại nặng trên những chân ruộng bón phân không cân đối (thừa đạm, thiếu kali) khi gặp điều kiện mưa rào, đông, gió lớn;

- *Bệnh đen lép hạt*: Phát sinh gây hại tăng trên trà lúa trổ tại các tỉnh trong vùng khi gặp điều kiện thời tiết âm u, có mưa, độ ẩm cao, sương mù kéo dài...

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ, sâu keo, bệnh đạo ôn lá... tiếp tục gây hại trên lúa Xuân Hè và lúa Hè Thu sớm giai đoạn mạ - đẻ nhánh - đứng cái, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình. *Chuột* tiếp tục gây hại rải rác lúa Xuân Hè, lúa Hè Thu giai đoạn mạ - đẻ nhánh; *Ốc bươu vàng* lây lan theo nguồn nước và gây hại lúa Xuân Hè (Bình Định) và lúa Hè Thu

sớm giai đoạn xuống giống - mạ, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

d) Các tỉnh Nam Bộ

- *Rầy nâu*: Trên đồng ruộng chủ yếu rầy tuổi 4-5 và rải rác có trưởng thành, xuất hiện gây hại phổ biến ở mức nhẹ – trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – đòng, trổ.

- *Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá*: Có khả năng tiếp tục phát triển trên trà lúa Hè Thu 2022, nhất là trên những ruộng gieo sạ không theo đúng lịch khuyến cáo của ngành nông nghiệp.

- *Bệnh đạo ôn, bạc lá, đen lép hạt*: Do điều kiện thời tiết mưa nhiều, độ ẩm cao, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm chênh lệch thuận lợi cho bệnh phát triển. Dự báo, trong thời gian tới diện tích, mức độ hại có thể gia tăng, nhất là trên những ruộng gieo trồng giống nhiễm, sạ dày, bón thừa phân đạm.

Ngoài ra, thời tiết trong khu vực thời gian tới mưa nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho *ốc bươu vàng*,... phát triển và lây lan gây hại, đặc biệt trên những chân ruộng thấp trũng mới gieo sạ. Chú ý theo dõi đối tượng này, khuyến cáo áp dụng các biện pháp canh tác để diệt trừ.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu tháng 4/2022 đạt 555.769 tấn, trị giá 275,946 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 28,34% và về trị giá giảm 34,37%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến ngày 30/4/2022 đạt 2,059 triệu tấn, trị giá 1,007 tỷ USD, so với cùng kỳ 2021 tăng 4,76% về số lượng và giảm 5,71% về trị giá.

*** Thị trường xuất khẩu tháng 4/2022:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Philippines	243.398	111.085.387	43,79%
China	118.491	64.401.519	21,32%
Ghana	38.382	17.647.857	6,91%
Ivory Coast	30.500	13.634.935	5,49%
Malaysia	29.054	13.616.732	5,23%
Indonesia	10.975	5.273.055	1,97%
Singapore	7.874	4.381.570	1,42%
Hongkong	6.232	3.554.057	1,12%
Mozambique	5.215	2.778.264	0,94%
Saudi Arabia	4.216	2.804.702	0,76%
Australia	4.019	2.791.970	0,72%
United Arab Emirates	4.000	2.567.893	0,72%
Laos	2.943	1.278.902	0,53%

Taiwan	2.416	1.152.815	0,43%
United States of America	1.810	1.341.095	0,33%
Tanzania	1.500	939.460	0,27%
Netherlands	1.428	1.010.580	0,26%
Poland	707	515.477	0,13%
South Africa	560	403.682	0,10%
Senegal	370	186.292	0,07%
Angola	272	142.158	0,05%
Spain	224	201.643	0,04%
Bangladesh	211	143.344	0,04%
Russia	104	58.760	0,02%
France	43	33.030	0,01%
<i>Các nước khác</i>	<i>40.825</i>	<i>24.000.464</i>	<i>7,35%</i>
TỔNG CỘNG	555.769	275.945.643	100,00%

III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/05 - 12/05/2022, có 17 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 160.800 tấn gạo các loại trong đó, 16 tàu cảng Hồ Chí Minh và 01 tàu cảng Mỹ Thới.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Hoàng Triều 68	HCM	22/04/2022	6.400	Philippines
2	VF Glory	HCM	22/04/2022	8.000	Philippines
3	Royal 89	HCM	24/04/2022	5.000	Philippines
4	Hoà Bình 09	HCM	25/04/2022	6.400	Philippines
5	Ocean 19	HCM	25/04/2022	6.600	Philippines
6	TTC Hải Phong	HCM	25/04/2022	6.200	Philippines
7	Việt Hải Star	HCM	26/04/2022	3.800	Philippines
8	Hà Đông	Mỹ Thới	27/04/2022	4.000	Philippines
9	Quang Minh 18	Mỹ Thới	27/04/2022	4.100	Malaysia
10	Quang Minh 9	Mỹ Thới	27/04/2022	4.300	Philippines
11	Ming Yue 69	HCM	02/05/2022	6.200	Philippines
12	Dolphin 15	HCM	03/05/2022	4.700	Philippines
13	Hải Hà 388	HCM	03/05/2022	6.300	Philippines
14	New Xa La	Mỹ Thới	03/05/2022	4.100	Philippines
15	Erietta	HCM	04/05/2022	36.000	Châu Phi
16	New Hope	HCM	04/05/2022	10.500	Philippines
17	Bangsaolong	HCM	05/05/2022	7.200	Philippines
18	Guama	HCM	05/05/2022	30.000	Cuba

Bản tin 1352 (Từ Ngày 06/05/2022 Đến Ngày 12/05/2022)

19	Hoà Bình 45	HCM	05/05/2022	4.000	Philippines
20	Ocean 39	HCM	06/05/2022	6.800	Philippines
21	Tân Long 3	HCM	07/05/2022	4.700	Philippines
22	Zircon	HCM	08/05/2022	7.200	Philippines
23	Hoà Bình 54	HCM	09/05/2022	4.900	Philippines
24	Hải Hà 58	HCM	10/05/2022	3.900	Philippines
25	Nasico Eagle	HCM	10/05/2022	6.300	Philippines
26	Royal 16	HCM	10/05/2022	5.000	Philippines
27	Vinaship Gold	HCM	10/05/2022	13.000	Philippines
Tổng				215.600	



III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	12/05	+/-	12/05	+/-	12/05	+/-	12/05	+/-	12/05	+/-	12/05	+/-	12/05	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.650	-100	5.800	+50	5.675	+100	5.675	+125	5.750	-			6.100	+100	6.100	5.775
Lúa thường	5.350	-100	5.600	+50	5.375	+150	5.350	+100	5.700	-	5.550	-	5.700	+100	5.700	5.518
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	7.250	-	6.800	+50	7.025	+125	7.275	+75	6.000	-			7.100	+100	7.275	6.908
Lúa thường	7.150	-	6.600	+50	6.475	+200	7.125	+75	5.950	-			6.700	+100	7.150	6.667
Gao Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	9.150	+100	9.000	+250	9.075	+125	9.050	+275	8.650	-			9.300	-	9.300	9.038
Lứt loại 2	8.350	-	8.500	+100	8.375	+125	8.450	+200	8.250	-	8.250	-	8.450	+250	8.500	8.375
Xát trắng loại 1			9.750	+250					9.550	-			10.200	+500	10.200	9.833
Xát trắng loại 2			8.850	+150					8.850	-	8.800	-	8.950	+250	8.950	8.863
Phụ Phẩm																
Tấm 1/2	8.250	-	8.450	+100	8.350	+100	8.350	+100	8.150	-	7.950	-	8.400	+100	8.450	8.271
Tấm 2/3			8.250	+100	8.250	+100			8.025	-			8.200	+200	8.250	8.181
Tấm 3/4	7.950	+100	8.150	+100	7.925	-									8.150	8.008
Cám xát	8.550	+100	8.600	+250	8.650	+250	8.550	+100	8.450	+75	7.650	-	8.850	+250	8.850	8.471
Cám lau	8.550	+100	8.600	+250	8.650	+250	8.550	+100	8.450	+75	7.650	-	8.850	+250	8.850	8.471
Gao TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.550	-	9.450	+100	9.300	+100	8.950	+100	9.200	-	9.200	-	9.050	+200	9.550	9.243
10%			9.350	+100					8.950	-					9.350	9.150
15%	9.350	-	9.250	+100	9.000	+100			8.800	-	8.800	-	8.950	+200	9.350	9.025
20%			9.150	+100					8.700	-					9.150	8.925
25%	9.150	-	9.050	+100	8.700	+100			8.600	-	8.400	-	8.800	+200	9.150	8.783
